TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thiền sư Từ Đạo Hạnh và bản sắc phong đặc biệt

ISSN: 2734-9195 08:25 11/04/2026

Đó là những minh chứng hùng hồn về định lực và hạnh nguyện Bồ tát của ngài Từ Đạo Hạnh, đức Thánh Tổ muôn đời của Phật giáo và dân tộc Việt Nam.

Tóm tắt:

Thời Lý, Phật giáo được coi là quốc giáo, nhiều vị Thiền sư được lưu danh trong thiền môn và xã hội, điển hình là ngài ***Từ Đạo Hạnh****. Ngài nổi tiếng với hạnh nguyện dấn thân hành đạo và có pháp thuật cao cường, cuộc đời nhuốm màu li kỳ huyền thuật, tái sinh luân hồi (tái sinh làm vua Lý Thần Tông).*

Nhiều triều đại ban sắc phong cho Ngài và các chùa có nhân duyên với Ngài hàng năm đều mở hội để tưởng nhớ và tri ân công đức. Đặc biệt, là chùa Thầy, nơi có nhiều điển tích liên quan đến Ngài, hàng năm mở lễ hội từ ngày mùng 5 đến ngày 7 tháng 3 âm lịch. Nhân dịp mùa lễ hội chùa Thầy năm 2026, đất nước bước vào "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc", chúng tôi xin giới thiệu với các độc giả một bản sắc phong đặc biệt của thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Từ khóa: Từ Đạo Hạnh, thời Lý, sắc phong, siêu nhiên, đầu thai

Mở đầu

Theo *Thiền Uyển Tập Anh,* Thiền sư Từ Đạo Hạnh (?–1117) thuộc đời thứ 12 thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Quê tại hương Yên Lãng (nay là phường Láng, Tp. Hà Nội). Ngài từng du phương học đạo, tìm cầu Chân tâm và được Thiền sư Sùng Phạm chùa Pháp Vân khai thị, sau đó về an trú tu hành, tại chùa Thiên Phúc (chùa Thầy-Hà Nội), khiến cho nơi đây trở thành một trung tâm Phật giáo thời Lý với danh xưng "Hương Hải viện". Thiền sư cũng là nhân vật gắn với nhiều truyền thuyết dân gian như hóa thân, phép thuật và được thờ phụng ở nhiều nơi, tiêu biểu là chùa Thầy (Thiên Phúc tự), chùa Láng (Chiêu Thiền tự), chùa Múa (Phượng Vũ tự), chùa Đại Bi, chùa Đồng Bụt.

Nội dung

Thiền sư Từ Đạo Hạnh là người tinh thông nhiều lĩnh vực, được coi như vị Bồ-tát thị hiện, tư tưởng Phật học của Ngài có sự kế thừa thời đại trước, rất phong phú. Ngài đã vận dụng tinh thần *Tam giáo* (Nho - Phật - Đạo) một cách dung hợp, tích cực, đặc biệt là ứng dụng pháp tu Mật giáo vào đời sống thực tiễn. Hành trạng của Ngài được ghi chép trong nhiều sách, tài liệu như: *Thiên Phúc tự hồng chung minh văn (1109), Việt điện u linh (1329), An Nam chí lược (1333), Thiền uyển tập anh (1337), Đại Việt sử ký toàn thư (1479)*... Ngài được nhận định là một bậc chân tu, thực chứng, pháp tu hành đặc thù, đã vân du khắp vùng Châu thổ sông Hồng, sử dụng thiện sảo phương tiện để hóa độ chúng sinh, phù trợ quốc gia. Hiện nay ở Châu thổ sông Hồng có nhiều di tích lịch sử, nhiều tự viện liên quan đến Ngài. Cảm kính trước sự cống hiến của Ngài đối với quốc gia – dân tộc, nhiều triều đại đã ban tặng sắc phong cho Ngài, hiện nhiều chùa còn lưu giữ, tiêu biểu là chùa Thầy (Thiên Phúc tự), chùa Láng (Chiêu Thiền tự), chùa Đại Bi (Đại Bi tự), chùa Đồng Bụt (Thiền Sư tự), chùa Múa (Phượng Vũ tự).

I. Các sắc phong thiền sư Từ Đạo Hạnh

Qua điền dã, bước đầu chúng tôi đã phát hiện có 59 đạo sắc phong cho ngài Từ Đạo Hạnh, tại các chùa sau:

1. Chùa Thầy (Thiên Phúc tự): có 29 đạo sắc phong

- Vĩnh Tộ bát niên (1626)

- Dương Hòa tam niên (1637)

- Dương Hòa tứ niên (1638)

- Dương Hòa ngũ niên (1639)

- Dương Hòa bát niên (1642)

- Phúc Thái tam niên (1645)

- Phúc Thái ngũ niên (1647)

- Phúc Thái thất niên (1649)

- Khánh Đức tứ niên (1653)

- Cảnh Trị bát niên (1671)

- Dương Đức tam niên (1674)

- Vĩnh Trị tam niên (1678)

- Chính Hòa tứ niên (1683)

- Vĩnh Thịnh lục niên (1711)

- Vĩnh Khánh nhị niên (1730)

- Cảnh Hưng Nguyên Niên (1740)

- Cảnh Hựng nhị thập bát niên (1767)

- Cảnh Hưng tứ thập tứ niên (1784)

- Chiêu Thống Nguyên Niên (1787)

- Quang Trung nhị niên (1789)

- Cảnh Thịnh Nguyên Niên (1793)

- Gia Long cửu niên (1802)

- Minh Mệnh nhị niên (1821)

- Minh Mệnh nhị thập nhất niên (1839)

- Thiệu Trị tứ niên (1843)

- Tự Đức tam niên (1852)

- Tự Đức tam thập tam niên (1881)

- Duy Tân tam niên (1909)

- Khải Định cửu niên (1925)

Nguyễn Văn Tiến (2004), *Chùa Thầy (Thiên Phúc Tự)*, Nxb. KHXH, tr. 168 nói; chùa Thầy có 26 đạo sắc phong. Như vậy, so với sự khảo sát trực tiếp của chúng tôi thì sự thống kê của tác giả Văn Tiến thiếu 03 sắc, gồm: Vĩnh Tộ bát niên (1626), Vĩnh Trị tam niên (1678), Chính Hòa tứ niên (1683).

Các sắc phong thời Lê, phần lớn đều dùng cụm từ “Đại thánh Từ Đạo Hạnh”. Các sắc phong từ đời Nguyễn phần lớn đều dùng cụm từ "Từ Đạo Hạnh đại triết thiền sư" để tán thán công hạnh của Ngài.

2. Chùa Đại Bi (Nam Định): có 11 sắc

- Cảnh Hưng nhị thập bát niên (1767)

- Cảnh Hưng tứ thập tứ niên (1784)

- Minh Mệnh nhị niên (1821)

- Minh Mệnh nhị thập nhất niên (1839)

- Thiệu Trị tứ niên, long nguyệt, nhị thập bát nhật (1843), (mừng vua Ngũ tuần)

- Thiệu Trị tứ niên, ngũ nguyệt nhị thập nhật (1843)

- Tự Đức tam niên (1852)

- Tự Đức tam thập tam niên (1881)

- Đồng Khánh nhị niên (1887)

- Duy Tân tam niên (1909)

- Khải Định cửu niên (1925)

Đạo sắc trên phần lớn đều dùng cụm từ “Từ Đạo Hạnh đại pháp thiền sư” để tán thán ngài. Riêng 2 sắc niên hiệu Cảnh Hưng nhị thập bát niên và tứ thập tứ niên, đã dùng cụm từ rất đặc biệt để tán thán ngài Từ Đạo Hạnh "sắc Tổ sư Từ Đạo Hạnh hỏa quang tam muội".

3. Chùa Đồng Bụt (Thiền Sư tự), Hà Nội: có 10 sắc

- Cảnh Hưng tứ thập tứ niên (1784)

- Chiêu Thống Nguyên Niên (1787)

- Quang Trung ngũ niên (1792)

- Minh Mệnh nhị niên (1821)

- Thiệu Trị tứ niên (1843)

- Tự Đức tam niên (1852)

- Tự Đức tam thập tam niên (1881)

- Đồng Khánh nhị niên (1887)

- Duy Tân tam niên (1909)

- Khải Định cửu niên (1925)

4. Chùa Láng, chùa Nền (Đản Cơ Tự) - Hà Nội: có 13 sắc

- Cảnh Hưng tứ thập tứ niên (1784)

- Chiêu Thống Nguyên Niên (1787)

- Quang Trung tứ niên (1791)

- Cảnh Thịnh Nguyên Niên (1793)

- Gia Long cửu niên (1802)

- Minh Mệnh nhị niên (1821)

- Thiệu Trị nhị niên (1841)

- Tự Đức tam niên (1852)

- Tự Đức tam thập tam niên (1881)

- Đồng Khánh nhị niên (1887)

- Thành Thái tam niên (1892)

- Duy Tân tam niên (1909)

- Khải Định cửu niên (1925)

13 bản sắc phong trên, phần lớn là đề cập đến vua Lý Thần Tông (hậu thân của ngài Từ Đạo Hạnh). Trong đó đạo Thành Thái tam niên, sắc phong cho quan Từ Vinh, thân phụ của Ngài. Sắc phong Khải Định cửu niên, sắc phong cho thân phụ và Từ Nương (chị gái ngài Từ Đạo Hạnh).

5. Chùa Phượng Vũ (chùa Múa) - Thái Bình: có 4 sắc

- Cảnh Hưng nhị thập bát niên (1767)

- Cảnh Hưng tứ thập tứ niên (1784)

- Chiêu Thống Nguyên Niên (1787)

- Quang Trung ngũ niên (1792)

Bốn đạo sắc phong ở chùa Phượng Vũ đều dùng những từ ngữ rất đặc biệt, như "Tổ sư Từ Đạo Hạnh", "Đại pháp sư trí cụ lục thông", "Siêu thăng liễu ngộ chân thừa, tảo chứng Kỳ Viên chi nhân quả" để tán thán ngài **Từ Đạo Hạnh**.

Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu 02 bản sắc phong cho ngài Từ Đạo Hạnh, tại chùa Đại Bi, Trực Ninh, Nam Định. Hai bản này đã dùng thuật ngữ rất chuyên sâu của Phật giáo "Hỏa quang tam muội" để tán thán sự tu chứng của ngài Từ Đạo Hạnh.

Nguyên văn:



????[2] 祖 師 徐 道 行 火 光 糝 昧 靈 通 聖 德 威 儀 感 應[3] 扶 國 助 民 扶 運 佐 聖 賛 治 光 明 普 應 顯 應 厚 德 豊 功 順 國 剛 毅 勇 果 明 斷 達 度 宏 規 普 惠 廣 澤 建 謀 匡 ????[4] 豁 達 大 度 英 仁 正 統 傳 道 流 澤 衍 派 濟 物 安 人 遠 畧 澤 物 ???? 後 玄 默 妙 術 中 正 純 粹 英 明 果 毅 博 覧 通 達 惠 和 聖 哲 集 福 神 化 夫 子 傳 經 大 法 師 人 中 僊 手 世 上 宗 工 德 妙 感 孚 躋 生 民 於 春 壽 功 神 相 佑 奠 國 ????[5] 於 泰 磐 既 著 英 聲 盍 隆 徽 號 爲

嗣 王 進 封

王 位 臨 居 正 府 尊 扶

宗 社 鞏 固 鴻 圖 禮 有 登 秩 應 加 封 可 加 封 祖 師 徐 道 行 火 光 糝 昧 靈 通 聖 德 威 儀 感 應 扶 國 助 民 扶 運 佐 聖 賛 治 光 明 普 應 顯 應 厚 德 豊 功 順 國 剛 毅 勇 果 明 斷 達 度 宏 規 普 惠 廣 澤 建 謀 匡 ???? 豁 達 大 度 英 仁 正 統 傳 道 流 澤 衍 派 濟 物 安 人 遠 畧 澤 物 ???? 後 玄 默 妙 術 中 正 純 粹 英 明 果 毅 博 覧 通 達 惠 和 聖 哲 集 福 大 慈 普 度 廣 濟 神 化 夫 子 傳 經 大 法 師 故

勅

景 興 二 十 八 年 八 月 初 八 日

印□ 敕 命 出 寶

Phiên âm:

Sắc Tổ sư Từ Đạo Hạnh, Hỏa Quang Tam-muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư. Nhân trung Tiên thủ, thế thượng tông công, đức diệu cảm phu tê sinh dân ư xuân thọ, công thần tương hựu điện quốc thế ư Thái bàn, ký trứ anh thinh, hạp long huy hiệu, vị Tự vương tiến phong Vương vị, lâm cư chính phủ, tôn phù Tông xã, củng cố hồng đồ, lễ hữu đăng trật ưng gia phong, khả gia phong: Tổ sư Từ Đạo Hạnh Hỏa Quang Tam-muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Đại Từ Phổ Độ Quảng Tế, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư. Cố Sắc.

Cảnh Hưng nhị thập bát niên, bát nguyệt, sơ bát nhật.

Ấn: Sắc Mệnh Chi Bảo.

Dịch nghĩa:

Sắc (ban cho) Tổ sư Từ Đạo Hạnh (có phong hiệu là) Hỏa Quang Tam Muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư. (Tổ sư là bậc) Tiên trong loài người, tông sư tài giỏi của thế gian, đạo đức khéo làm dân sinh tin tưởng lên đài xuân vực thọ, công lao giúp đỡ khiến thế nước vững như Thái sơn bàn thạch. Đã hiển lộ danh tiếng anh linh, sao chẳng long trọng

(ban tặng) danh hiệu tốt.

Vì giúp Tự vương[6] *lên ngôi, ngự trong chính phủ, tôn phò tông miếu xã tắc, vững chắc cơ đồ, theo lễ có tăng thêm phẩm trật, nên được gia phong, đáng gia phong là: Tổ sư Từ Đạo Hạnh Hỏa Quang Tam-muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Đại Từ Phổ Độ Quảng Tế, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư.*

Nay ban sắc!

Ngày mùng 8, tháng 8, năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767).

Ấn chương: Sắc Mệnh Chi Bảo.

**** Sắc phong năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783):***



勅祖師徐道行火光糝昧靈通聖德威儀感應扶國助民扶運佐聖贊治光明普應顯應厚德豐功順國剛毅勇果明斷達度宏規普惠廣澤建謀匡辟豁達大度英仁正統傳道流澤衍派濟物安人遠畧澤物???? 後玄默妙術中正純粹英明果毅博覽通達惠和聖哲集福大慈普度廣濟神化夫子傳經大法師人中僊手世上宗工德妙感孚躋生民於春壽功神相佑奠國???? 於泰磐既著英聲盍隆徽號爲嗣王進封

王位臨居正府禮有登秩應加封可加封祖師徐道行火光糝昧靈通聖德威儀感應扶國助民扶運佐聖贊治光明普應顯應厚德豐功順國剛毅勇果明斷達度宏規普惠廣澤建謀匡辟豁達大度英仁正統傳道流澤衍派濟物安人遠畧

澤 物 ???? 後 玄 默 妙 術 中 正 .純 粹 英明 果 毅 博 覽 通 達 惠 和 聖 哲 集 福 大 慈 普 度 廣 濟 神 化 夫 子 傳 經 大 法師 故

勅

景 興 四 十 四 年 五 月 十 六 日

印□ 敕 命 坐 寶

Phiên âm:

Sắc Tổ sư Từ Đạo Hạnh, Hỏa Quang Tam-muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư. Nhân trung Tiên thủ, thế thượng tông công, đức diệu cảm phu tê sinh dân ư xuân thọ, công thần tương hựu điện quốc thế ư Thái bàn, ký trứ anh thinh, hạp long huy hiệu, vị Tự vương tiến phong Vương vị, lâm cư chính phủ, tôn phù Tông xã, củng cố hồng đồ, lễ hữu đăng trật ưng gia phong, khả gia phong: Tổ sư Từ Đạo Hạnh Hỏa Quang Tam-muội, Linh Thông Thánh Đức, Uy Nghi Cảm Ứng, Phù Quốc Trợ Dân, Phù Vận Tá Thánh, Tán Trị Quang Minh, Phổ Ứng Hiển Ứng, Hậu Đức Phong Công, Thuận Quốc Cương Nghị, Dũng Quả Minh Đoán, Đạt Độ Hoành Quy, Phổ Huệ Quảng Trạch, Kiến Mưu Khuông Tích, Khoát Đạt Đại Độ, Anh Nhân Chính Thống, Truyền Đạo Lưu Trạch Diễn Phái, Tế Vật An Nhân Viễn Lược, Trạch Vật Thùy Hậu Huyền Mặc, Diệu Thuật Trung Chính Thuần Túy, Anh Minh Quả Nghị Bác Lãm, Thông Đạt Huệ Hòa, Thánh Triết Tập Phúc, Đại Từ Phổ Độ Quảng Tế, Thần Hóa Phu Tử, Truyền Kinh Đại Pháp Sư. Cố Sắc.

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên, ngũ nguyệt, thập lục nhật.

Ấn: Sắc Mệnh Chi Bảo.

Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang – Thích Minh Cảnh chủ biên, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr. 1874, “Hỏa Giới Tam Muội”;

Phạn ngữ: Agni-dhatu-samadhi.

Còn gọi: Hỏa định, Hỏa định giới, Hỏa quang tam-muội, Hỏa diệm tam-muội, Hỏa sinh tam-muội.

Tức là nói về công phu thiền định rất cao; Thiền định từ thân mình phát ra lửa.

Theo luận Đại-tỳ-bà-sa 177; Phật Để-sa trải ni-sư đàn, ngồi kết già, nhập Hỏa giới định.

Theo kinh Tần-bà-sa-la Vương Nghinh Phật trong Trung A-hàm 11, Tôn giả Uất-tỳ-la-ca-diếp nhập Hỏa định, thân phát ra các thứ lửa. Cũng có trường hợp tam-muội phát ra lửa để tự thiêu thân nhập Niết-bàn, gọi là Hỏa giới tam-muội, như kinh Đại Bát-Niết-bàn (bản 3 quyển) nói: Ngài Tu-bạt-đà-la nhập Hỏa giới tam-muội, ở trước Phật mà vào Niết-bàn.

Ngoài ra, Tam-muội của Bất Động Minh Vương, từ thân mình phát ra lửa cũng gọi là Hỏa sinh tam-muội, biểu thị cho việc dùng lửa trí tuệ của tâm Bồ-đề thanh tịnh mà thiêu sạch phiền não tam độc, ngũ dục.

Bởi vậy, việc sắc phong niên hiệu Cảnh Hưng nhị thập bát niên và tứ thập tứ niên, dùng cụm từ "sắc Tổ sư Từ Đạo Hạnh hỏa quang tam muội" để tán thán ngài Từ Đạo Hạnh, chính là những văn bản hành chính cấp cao của nhà nước phong kiến khẳng định sự chuyển kiếp thành vua Lý Thần Tông của thiền sư là do Ngài nhập “Đại thiền định” để thác sinh nhằm tiếp tục trụ thế phù trợ quốc gia-dân tộc. Đó là những minh chứng hùng hồn về định lực và hạnh nguyện Bồ tát của ngài Từ Đạo Hạnh, đức Thánh Tổ muôn đời của Phật giáo và dân tộc Việt Nam.

Tác giả: **Thích Minh Thuận [1]**

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Văn Tiến (2004), *Chùa Thầy (Thiên Phúc Tự)*, Nxb. Khoa học Xã hội

2] Lê Mạnh Thát (2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb Hồng Đức

3] Hồ sơ Di tích lịch sử chùa Thầy, chùa Láng, chùa Đại Bi, chùa Đồng Bụt, chùa Múa.

Chú thích:

[1] NCS HVPGVN tại Hà Nội

[2] Dị tự của chữ 敕.

[3] Những chữ được tô vàng, trong nguyên văn chữ Hán viết bằng chữ dị tự/tục tự không thể gõ chữ được trên máy tính. Nên thay thế bằng những chữ Hán thông dụng rồi tô vàng để nhận biết so với văn bản gốc.

[4] Dị tự của chữ 辟.

[5] Dị tự của chữ 勢.

[6] Là người kế thừa ngôi vua theo vai vế trong hoàng thất, nếu Vua hoặc Thái tử trước đó mất hay bị phế truất, ở đây chỉ vua Lê Hiển Tông (niên hiệu Cảnh Hưng 1740 - 1786).